

BÁO CÁO

**sơ kết 02 năm thực hiện Kết luận số 30-KL/TU ngày 26/4/2016
của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 khóa XIX về phát triển nông nghiệp,
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020**

Trong 02 năm qua, các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận số 30-KL/TU ngày 26/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba (khóa XIX) về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (*sau đây viết tắt là Kết luận 30*); tập trung chỉ đạo cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ưu tiên sản xuất nông sản hữu cơ, nông sản công nghệ cao gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, ưu tiên nguồn lực đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; ban hành một số quy hoạch, đề án, cơ chế, chính sách để phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ Tỉnh ủy đề ra. Nhờ đó, việc phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đạt được một số kết quả tích cực.

I. KẾT QUẢ VỀ QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**1. Về triển khai quán triệt, tuyên truyền thực hiện Kết luận 30**

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 19, Tỉnh ủy khóa XIX đã tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy khóa XVIII và ban hành Kết luận 30. Sau khi Kết luận 30 được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng các cấp quán triệt và triển khai thực hiện Kết luận 30.

Trên cơ sở Hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các huyện, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã tổ chức quán triệt cho cán bộ, đảng viên, Mặt trận, các đoàn thể ở huyện và thông qua chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện; đồng thời, chỉ đạo cấp ủy cơ sở quán triệt và triển khai thực hiện phù hợp với từng địa phương, đơn vị. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Kết luận 30 đến các cấp chính quyền và nhân dân. Qua đó, hầu hết cán bộ, đảng

viên và nhân dân đã nhận thức cơ bản về yêu cầu nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, hưởng ứng tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2. Về cụ thể hóa, thể chế hóa thực hiện Kết luận 30

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung theo Kết luận 30 (*Công văn số 3847/UBND-NNTN ngày 15/7/2016*).

Để triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án; chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các Kế hoạch hành động thực hiện Tái cơ cấu ngành trồng trọt, Tái cơ cấu ngành chăn nuôi, Tái cơ cấu ngành thủy sản và thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp. Chỉ đạo ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện; xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Đề án ở địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp phù hợp với yêu cầu tình hình mới.

2.2. Hầu hết các huyện, Thành ủy đều ban hành kế hoạch, chương trình hành động để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp giai đoạn 2016 - 2017 tăng 4,17% (*chỉ tiêu Kết luận 30 là 3,5-4,0/năm*).

2. Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất canh tác tăng hàng năm, năm 2016 đạt 61 triệu đồng; năm 2017 đạt 71,6 triệu đồng (*KL: là 85 triệu đồng*).

3. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp năm 2017 chiếm 43% (năm 2015 chiếm 3,7%) (*KL: đến năm 2020 là 45%*).

4. Độ che phủ của rừng năm 2017 đạt 51,29% (*KL: đến năm 2020 là 52%*).

5. Sản lượng thủy sản tăng hằng năm, năm 2016 đạt 177.437 tấn; năm 2017 đạt 191.531 tấn (*KL: đến năm 2020 đạt 160.000 tấn*).

6. Tỷ lệ lao động nông nghiệp năm 2017 đạt 49,23% (*KL: đến năm 2020 là 40%*).

7. Thu nhập bình quân đầu người của cư dân nông thôn năm 2017 đạt 23,2 triệu đồng/năm (KL: đến năm 2020 là 32 triệu đồng/người/năm).

8. Tỷ lệ hộ nghèo nông thôn giảm hằng năm: năm 2016 giảm 0,06%; năm 2017 giảm 1,9% (chỉ tiêu Kết luận 30 giảm bình quân là 2%/năm (trong đó miền núi giảm 4%, đồng bằng giảm 1,6%/năm)).

9. Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2017 đạt 88% (KL: đến năm 2020 là 95%, trong đó sử dụng nước sạch đạt 50%).

10. Xây dựng nông thôn mới: Đến năm 2017 có 41 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (chỉ tiêu theo Chương trình nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 đến năm 2020 là 98 xã).

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp

1.1. Về điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành, sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp; quản lý thực hiện quy hoạch: Từ năm 2016 đến nay, đã lập 19 quy hoạch ngành, sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp. Trong đó, 09 quy hoạch đã được phê duyệt và cụ thể hóa thành chương trình, dự án để triển khai thực hiện; trong năm 2018 lập và hoàn thành 10 quy hoạch (Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo).

1.2. Về thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên các lĩnh vực

1.2.1. Trồng trọt: Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cơ cấu lại các loại cây trồng chủ lực; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả; dồn điền đổi thửa xây dựng cánh đồng lớn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào sản xuất. Bước đầu đã đạt được những kết quả:

- Đưa vào sản xuất đại trà 06 giống mỳ, 08 giống mía, 07 giống ngô, 04 giống lạc có triển vọng..., thời gian sinh trưởng ngắn nhưng năng suất tương đương với nhóm giống dài ngày¹.

- Sau 02 năm, đã dồn điền đổi thửa 3.121,4 ha (chủ yếu là trên đất mía và đất lúa); xây dựng được 171 cánh đồng lớn trong sản xuất lúa với diện tích gần 3.000 ha. Các địa phương thực hiện dồn điền đổi thửa nhiều nhất là Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, Tư Nghĩa.

- Năm 2017, đưa cơ giới hóa vào sản xuất từ khâu làm đất, trồng, bón phân và thu hoạch đã đạt được một số kết quả. Tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất 88% diện tích, khâu gieo sạ 0,04%, khâu phun thuốc bảo vệ thực

¹ Vụ Đông Xuân, năng suất bình quân đạt 70 tạ/ha đối với lúa thuần và đạt 85 tạ/ha đối với lúa lai; vụ Hè Thu năng suất đạt 67 tạ/ha, cao hơn so với lúa đại trà từ 3-7 tạ/ha.

vật 0,54% và khâu thu hoạch 66,4%, góp phần nâng cao năng suất, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Đến nay, toàn tỉnh có 5.356 ha đất chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác; việc chuyển đổi cây trồng được thực hiện hầu hết ở các địa phương, nhất là ở các huyện đồng bằng (huyện Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành có diện tích chuyển đổi nhiều nhất), chuyển đổi chủ yếu là từ cây lúa sang trồng ngô, rau, ớt, lạc... Nhìn chung, sau chuyển đổi, giá trị sau thu hoạch cao hơn nhiều so với trồng lúa².

1.2.2. Chăn nuôi: Đàn gia súc, gia cầm trong những năm qua phát triển tương đối ổn định. Chuyển dịch từ chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ sang nông hộ quy mô lớn và trang trại chăn nuôi đang tiến triển tích cực. Toàn tỉnh có 34 trang trại chăn nuôi đạt tiêu chí theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 02 trang trại chăn nuôi heo được cấp giấy chứng nhận VietGAP³; năm 2017, tỷ lệ bò lai ước đạt trên 66,5%, vượt kế hoạch (theo Đề án cải tiến nâng cao chất lượng giống bò thịt đến năm 2020 đạt 60%). Toàn tỉnh có 441 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, trong đó có 02 cơ sở giết mổ tập trung có đăng ký kinh doanh và 439 cơ sở giết mổ nhỏ lẻ được cơ quan thú y kiểm soát thường xuyên, đúng quy định; bình quân mỗi ngày giết mổ trên 400 con heo, 44 con bò, 300 con gia cầm. Công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh; công tác quản lý con giống, thức ăn chăn nuôi được thực hiện chặt chẽ.

1.2.3 Lâm nghiệp: Trong những năm qua, ngành lâm nghiệp có những chuyển biến tích cực, chuyển từ phát triển về diện tích và độ che phủ của rừng sang hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển rừng bền vững. Đến nay, đã lập quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; mỗi năm, trồng rừng tập trung khoảng 12.000 ha. Năm 2017, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 927.000 tấn, tăng 211.000 tấn so năm 2015.

Về phát triển trồng rừng cây gỗ lớn: Diện tích trồng trong dân chưa phổ biến. Hiện nay, Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Ba Tư đang chuyển hóa trên 2.500 ha keo từ 6 - 7 năm tuổi sang rừng gỗ lớn (hơn 10 năm tuổi). Ước giá trị sau thu hoạch sẽ cao gấp 3 - 3,5 lần so với rừng trồng 5 - 6 năm tuổi.

1.2.4. Thủy sản

² Cây ngô (tăng 9,4%), cây lạc (tăng 32,2%), cây đậu xanh (tăng 5,8%), đặc biệt là cây ớt cao 3,8 lần so với trồng lúa trên cùng chân đất. Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích cao hơn so với trồng lúa từ 11 triệu - 133 triệu đồng/ha.

³ Trang trại thương phẩm Phương ở Tịnh Hà, Sơn Tịnh và Trang trại thương phẩm Phong ở Hành Thiện, Nghĩa Hành

- *Khai thác thủy sản*: Trong những năm gần đây, nghề khai thác thủy sản phát triển khá mạnh, khai thác xa bờ tăng, khai thác gần bờ giảm; giảm dần tàu cá có công suất nhỏ dưới 90 CV, tăng số lượng tàu có công suất 400 CV trở lên. Do vậy, sản lượng đánh bắt hằng năm tăng, năm 2017 đạt 184.456 tấn, tăng 7,5% so với năm 2015 (156.897 tấn).

- *Nuôi trồng thủy sản*: Năm 2017, diện tích mặt nước thả nuôi ước đạt 1.426 ha; sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 6.940 tấn, tăng 15% so với năm 2015. Tuy nhiên, tình hình ô nhiễm môi trường vùng nuôi tôm chưa được giải quyết, dịch bệnh trên tôm chưa được kiểm soát, lĩnh vực nuôi trồng thủy sản ở các địa phương phát triển không ổn định.

- *Chế biến thủy sản*: Đến nay, toàn tỉnh có 18 nhà máy chế biến thủy sản, với tổng công suất thiết kế trên 45.200 tấn/năm, tập trung chủ yếu ở Khu công nghiệp Quảng Phú⁴, trong đó có 5 doanh nghiệp đạt chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Á, Châu Âu⁵.

- *Về cải hoán đóng mới tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá; thực hiện dự án Khu bảo tồn biển Lý Sơn*:

+ *Thực hiện chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định 67*: Đến nay, toàn tỉnh có 64 tàu đã được đóng mới, trong đó có 11 tàu vỏ thép, 01 tàu vỏ composite, còn lại tàu vỏ gỗ. Hiệu quả khai thác: có 48 tàu hoạt động có lãi, 8 tàu hòa vốn, 5 tàu hoạt động bị thua lỗ.

+ *Về ngăn chặn đánh bắt ven bờ có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản*: Số lượng tàu thuyền nhỏ khai thác gần bờ giảm nhanh, đầu năm 2011 có 3.906 tàu dưới 90 CV, đến tháng 4/2018 còn 2.301 tàu (giảm 1.605 chiếc). Số lượng tàu dưới 90 CV giảm mạnh là do: ngư dân được khuyến khích đầu tư nâng cấp, cải hoán tàu thuyền để tham gia khai thác thủy sản trên các vùng biển xa; công tác tuyên truyền Luật Thủy sản năm 2017 và chống khai thác thủy sản bất hợp pháp được tăng cường; thành lập Văn phòng kiểm soát nghề cá tại các cảng cá để thực hiện việc thẩm định, cấp giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp; việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá được chú trọng.

+ *Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá*: Đến nay, toàn tỉnh có 7 HTX dịch vụ khai thác hải sản xa bờ, 12 nghiệp đoàn nghề cá, 306 tổ, đội ngư dân đoàn kết sản xuất; đã đầu tư xây dựng 6 cảng cá, khu neo đậu trú bão của tàu cá⁶ (theo Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là 8

⁴ Có 15 nhà máy, trong đó: Có 12 nhà máy đã đi vào hoạt động, có 02 nhà máy chuẩn bị đi vào hoạt động, 01 nhà máy đang triển khai thực hiện dự án

⁵ Đại Dương Xanh, Phùng Hưng, Hải Phú, Gallan Dachant, Hưng Phong

⁶ (1) Cảng cá sông Trà Bồng có sức chứa là 100 tàu cá; (2) cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Tịnh Hoà có sức chứa là 350 tàu cá; (3) Cảng cá Tịnh Kỳ có sức chứa 650 tàu cá; (4) Cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Mỹ Á có sức chứa là 400 chiếc; (5) Cảng cá Sa Huỳnh có sức chứa 500 chiếc; (6) cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Lý Sơn có sức chứa 500 chiếc

cảng cá và bến cá); có 13 cơ sở đóng, sửa tàu thuyền đã được đủ điều kiện đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên⁷; 113 chiếc/5.671 tàu dịch vụ hậu cần, thu mua thủy sản trên biển; 27 cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản, hầu hết tập trung gần các cửa biển để thuận tiện cho việc thu mua nguyên liệu từ các nguồn khai thác và nuôi trồng thủy sản.

- *Thực hiện dự án Khu bảo tồn biển Lý Sơn*: Đã phê duyệt Dự án Khu bảo tồn biển Lý Sơn và thành lập Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn.

1.2.5. Diêm nghiệp: Đến nay, có 02 hợp tác xã làm muối⁸, sản lượng muối khoảng 7.000 - 7.500 tấn/năm. Đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết vùng muối Sa Huỳnh giai đoạn 2016 - 2025 định hướng đến năm 2030; ban hành quy định Chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh muối sạch tại đồng muối Sa Huỳnh giai đoạn 2017 - 2020; đang thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng vùng muối Sa Huỳnh.

1.3. Về tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm

1.3.1. Phát triển các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp

- *Về củng cố, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các HTX theo Luật Hợp tác xã năm 2012*. Đến tháng 4/2018, toàn tỉnh có 181 HTX nông nghiệp, trong đó có 164/181 HTX đã chuyển đổi và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Sau khi chuyển đổi, các HTX nông nghiệp có sự chuyển biến tích cực về nhiều mặt, giảm số lượng các HTX yếu kém, nhiều HTX mở rộng dịch vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

- *Về thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển HTX*: Năm 2017, tỉnh hỗ trợ cho 03 HTX dịch vụ và khai thác hải sản xã bờ, với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng⁹; tổ chức 8 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về điều hành và quản lý HTX nông nghiệp cho 655 người; đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại 5 HTX nông nghiệp.

- *Về tạo lập các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm*: Trong năm 2017, toàn tỉnh có 42 HTX¹⁰ liên kết với doanh nghiệp; 46 doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với HTX và nông dân¹¹ với diện tích liên kết giữa doanh nghiệp và HTX là 1.324,2 ha; diện tích liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân là 2.677,21 ha. Một số mô hình liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp, HTX với nông dân đang được phát huy như: Liên kết giữa các hộ nông dân

⁷ Tại các xã: Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Nghĩa Phú, Nghĩa An, Phổ Thạnh, Phổ Quang, Bình Châu, Bình Chánh, Bình Đông.

⁸ HTX muối 1 ở thôn Long Thạnh 1 và 2 và HTX muối 2 ở thôn Tân Diêm

⁹ Phổ Quang: 1.267.945.000 đồng, Phổ Thạnh: 739.944.000 đồng, Nghĩa Phú: 21.321.850 đồng

¹⁰ Trồng trọt là 36 HTX, lâm sản 03 HTX, thủy sản là 03 HTX

¹¹ Trồng trọt là 40 doanh nghiệp, chăn nuôi là 05 doanh nghiệp, lâm sản 01 doanh nghiệp

và HTX tại huyện Sơn Hà để cung cấp các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của huyện vào hệ thống siêu thị Big C tại Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn; liên kết sản xuất lúa gạo hữu cơ giữa Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín với các HTX Hành Dũng, Hành Nhân quy mô 30ha; HTX chăn nuôi Tân Hòa Phú đầu tư và thực hiện Dự án “Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi heo an toàn bền vững có bổ sung cây dược liệu tại xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành”, phát triển được chuỗi sản phẩm thịt heo chăn nuôi bằng thảo dược, có điểm bán sản phẩm tại thành phố Quảng Ngãi.

1.3.2. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất

- *Về chính sách thu hút đầu tư:* Đã ban hành 15 chính sách và đang xây dựng 08 chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn. (Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo). Đến nay, thu hút 54 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, với tổng số vốn đăng ký trên 2.075,1 tỷ đồng¹². Các địa phương thu hút đầu tư vào nông nghiệp nhiều nhất là huyện Mộ Đức (11 dự án), Tư Nghĩa (10 dự án), Sơn Tịnh (5 dự án).

- *Về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch:* Đã Quy hoạch chi tiết khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Bình Hoà, huyện Bình Sơn. Đến nay, có 02 đơn vị đầu tư ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất giống¹³. Thu hút được một số dự án đầu tư vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Mộ Đức (Dự án trang trại tổng hợp Minh Tuấn: 4,09 ha; dự án chuỗi nông nghiệp hữu cơ OFB: 26,5 ha; dự án sản xuất rau củ quả công nghệ cao Nông Hưng Phát (11,3 ha); dự án sản xuất rau củ quả công nghệ cao Việt Vân: 39,2 ha)...

- *Về sản xuất nông sản sạch, nông sản hữu cơ:* Đến nay, đã thu hút 02 doanh nghiệp đang đầu tư sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hữu cơ, tiêu chuẩn VietGAP¹⁴; 4 cơ sở sản xuất rau an toàn (đã được cấp Giấy chứng nhận VietGap) với tổng diện tích trên 10,735 ha.

Hiện nay, có một số công ty liên kết với người chăn nuôi áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong sản xuất chăn nuôi. Bước đầu đã hình thành được nhiều mô hình chăn nuôi liên kết theo chuỗi giá trị từ sản

¹² Trong đó lĩnh vực trồng trọt: 11 dự án, vốn đăng ký 602,9 tỷ đồng; chăn nuôi: 14 dự án, vốn đăng ký 663,8 tỷ đồng; lâm nghiệp: 2 dự án, vốn đăng ký 144,8 tỷ đồng; thủy sản: 1 dự án, vốn đăng ký gần 3 tỷ đồng; thu mua, chế biến: 26 dự án, vốn đăng ký 911,3 tỷ đồng

¹³ Hàng năm, Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi sản xuất được trên 100.000 cây keo lai, trên 6.000 cây hoa, 100.000 cây hoa cúc; Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín sản xuất khoảng 500.000 cây keo lai.

¹⁴ Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín sản xuất khoảng 30 ha lúa tại huyện Nghĩa Hành; Công ty TNHH Nông lâm nghiệp TBT sản xuất 40 ha lúa tại huyện Mộ Đức.

xuất đến tiêu thụ sản phẩm để nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm¹⁵.

1.4. Về phát triển thủy lợi, kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu

Đã Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Khúc đoạn từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại; Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 định hướng đến năm 2030. Đã và đang triển khai thực hiện một số chương trình, dự án liên quan về nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu¹⁶.

Xây dựng được 23.919 m kè lát mái chống sạt lở bờ sông, suối, bờ biển¹⁷; xây dựng mới 05 hồ chứa nước¹⁸; đang triển khai dự án Đê Phổ Minh theo chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang giai đoạn 2009 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27/5/2009; lắp đặt 14 trạm đo mưa tự động, bổ sung vào hệ thống đo mưa phục vụ công tác cảnh báo, dự báo mưa, lũ trên lưu vực các sông lớn,...

1.5. Về nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy sản xuất cho nông dân; công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong nông nghiệp

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức khoa học, kỹ năng sản xuất nông nghiệp, kiến thức kinh tế thị trường, hội nhập nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy sản xuất của người dân nông thôn, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Trong 02 năm, tổng số lao động nông thôn được đào tạo nghề nông nghiệp là 1.178 người, với tổng kinh phí là 4.018 tỷ đồng; tỷ lệ lao động sau đào tạo có việc làm khoảng 89%, đã góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp cho nông dân, từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển.

Công tác quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm được chú trọng hơn. Đã thống kê, lập hồ sơ đánh giá, phân loại điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cho 125 cơ sở (tăng 15 cơ sở so với năm 2016) sản xuất kinh doanh, chế biến nông, lâm, thủy sản; kiểm tra 650 lượt (tăng 130 lượt so với năm 2016) đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản, đã góp

¹⁵ Công ty cổ phần Cổ phần Việt Nam và Công ty Cổ phần Thái Việt Swine line, trong đó, có Trại chăn nuôi thương phẩm Phương ở thành phố Quảng Ngãi và Trại chăn nuôi thương phẩm Phong ở huyện Nghĩa Hành đã được cấp chứng nhận VietGAP.

¹⁶ Chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng và hướng dẫn xây dựng kế hoạch sơ tán cấp thôn cho các thôn vùng lũ; dự án Nâng cao năng lực thích ứng với thiên tai khu vực miền Trung Việt Nam; dự án Tăng cường năng lực phòng, tránh thiên tai; dự án Tăng cường năng lực cho cấp chính quyền địa phương và nhân dân 04 xã huyện Ba Tơ về thích ứng với biến đổi khí hậu; dự án Quản lý rủi ro thiên tai (WB5) - HP3.

¹⁷ Kè Rộc Mãng, kè An Chi, kè Tài Năng, kè Châu Ổ, kè Trà Xuân, kè Tài Năng, kè Sông Rin, kè Tà Man, kè bờ Nam sông cây Bứa, kè suối Lớn, kè Phước Giang,...

¹⁸ Thới Lới, Hóc Xoài, Hồ Cà, Suối Loa, Hóc Cài. Nâng cấp, sửa chữa 23 hồ chứa nước bị xuống cấp hư hỏng.

phần nâng cao ý thức của người dân về an toàn vệ sinh trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới

- *Về phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của người dân:* Trong 2 năm, hỗ trợ cho 98 xã triển khai thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập¹⁹, với tổng kinh phí hỗ trợ 35.520 triệu đồng. Riêng năm 2018, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

- *Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn:* tổng vốn ngân sách đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội là 1.244,76 tỷ đồng (chiếm hơn 90% vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới). Trong đó, sửa chữa 544 km, đường giao thông, với tổng vốn 677,135 tỷ đồng, đến cuối năm 2017 có 65 xã đạt tiêu chí giao thông (chiếm 39,6%); kiên cố hóa 415 tuyến kênh, với tổng kinh phí 266,998 tỷ đồng; đầu tư xây mới, nâng cấp 73 trường học, với tổng kinh phí 87,3 tỷ đồng...

- *Về giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa xã hội:* năm 2017, có khoảng 40.100 lao động nông thôn được đào tạo nghề. Công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân được quan tâm, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 90,5%. Toàn tỉnh có 14/14 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, 100% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục đúng độ tuổi. Việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được chú trọng, hệ thống các thiết chế văn hóa từng bước được xây dựng, các hoạt động văn hóa ngày càng phong phú, đa dạng,... góp phần từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- *Về kết quả thực hiện các tiêu chí về nông thôn mới:* có 41 xã đạt tiêu chí nông thôn mới. Số tiêu chí đạt được bình quân/xã và số xã dưới 5 tiêu chí đạt chỉ tiêu kế hoạch. Đang đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Nghĩa Hành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.

IV. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

1.1. Về phát triển nông nghiệp

- Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyên dịch chậm và chưa rõ nét, phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán. Sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa bước đầu được hình thành nhưng quy mô còn nhỏ. Chưa hình thành vùng nguyên liệu tập trung. Phần lớn nông sản bán ra trên thị trường chủ yếu ở

¹⁹ Gồm 129 mô hình chăn nuôi, 12 mô hình trồng trọt, 6 mô hình thủy sản, 6 mô hình cơ giới hóa, 02 mô hình tưới phun mưa bán tự động, 04 mô hình hỗ trợ cánh đồng mẫu lớn và 1 mô hình chế biến thủy sản

dạng thô, chưa qua chế biến, giá trị gia tăng thấp. Hàng nông sản bị nhiễm độc có xu hướng tăng do sử dụng thuốc trừ sâu, chất cấm trong sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản.

- Thực hiện dồn điền đổi thửa, cải tạo đồng ruộng chậm. Hệ thống giao thông nội đồng nhiều nơi chưa được xây dựng hoàn chỉnh, đất đai sản xuất còn manh mún, phân tán nên việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất gặp nhiều khó khăn.

- Phát triển thủy sản còn nhiều hạn chế, nghề lưới kéo vẫn chiếm tỷ trọng cao do chưa có cơ chế hỗ trợ cho ngư dân chuyển đổi nghề; tình trạng dịch bệnh trên tôm nuôi do ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát tốt... Việc cải hóa đóng mới tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới được quan tâm nhưng hiệu quả chưa cao, một số tàu phát sinh nợ xấu. Quản lý hoạt động khai thác thủy sản vùng biển ven bờ, vùng lộng của tỉnh còn hạn chế. Cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá chưa đáp ứng nhu cầu neo đậu, tránh trú bão cho tàu thuyền trên địa bàn tỉnh, gây nguy hiểm cho tàu thuyền khi cập bến, nhất là trong mùa mưa bão; dịch vụ hậu cần nghề cá chưa được đầu tư đồng bộ.

- Rừng phòng hộ đầu nguồn các công trình thủy lợi, các lưu vực sông lớn luôn biến động theo hướng giảm dần; trong khi đó, việc đầu tư phát triển đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng diễn ra với tốc độ ngày càng tăng nhanh nên nhu cầu đào đắp, san lấp mặt bằng càng nhiều, làm thay đổi nhanh chóng địa hình hiện trạng dẫn đến tình trạng ngập lụt, sa bồi thủy phá xảy ra nghiêm trọng hơn.

- Tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ còn hạn chế. Các doanh nghiệp, HTX tham gia đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông, lâm, thủy sản chưa nhiều; chưa tạo lập được mối liên kết trong sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ nông sản để tạo ra chuỗi giá trị gia tăng.

- Hoạt động của HTX nông nghiệp hiệu quả chưa cao. Toàn tỉnh còn 15/181 HTX hoạt động chưa theo đúng Luật HTX năm 2012, phần lớn các HTX chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất²⁰; cơ sở vật chất thiếu thốn; vốn điều lệ thấp; hoạt động còn đơn điệu, chưa năng động và chưa theo kịp với cơ chế thị trường; hầu hết các HTX nông nghiệp chưa tiếp cận được các chính sách về tín dụng, đất đai, cơ sở hạ tầng để phát triển.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao cho sản xuất nông nghiệp còn thiếu; lao động trong độ tuổi giảm nhanh, tiến trình “già hóa” và “nữ hóa” ở nông thôn ngày càng tăng; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt

²⁰ Có khoảng 40% HTX nông nghiệp trên toàn tỉnh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

thấp... dẫn đến khả năng tiếp cận và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, chất lượng sản phẩm sản xuất ra có tính cạnh tranh thấp.

1.2. Về xây dựng nông thôn mới

Kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới của tỉnh đến cuối năm 2017 đạt thấp so với bình quân chung của cả nước, số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 41/164 xã, đạt 25% (cả nước 35,4%). Bộ mặt nông thôn ở nhóm các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nhưng nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình còn hạn chế vẫn chưa có chuyển biến rõ nét. Hoạt động phát triển sản xuất trong xây dựng nông thôn mới còn nhiều khó khăn; các địa phương còn lúng túng trong việc đề xuất, lựa chọn mô hình thực hiện, chưa tạo sự đột phá về phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là các huyện miền núi.

2. Nguyên nhân

2.1. Đối với phát triển nông nghiệp

- Một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa kịp thời điều chỉnh, bổ sung; chính sách cơ giới hóa nông nghiệp còn nhiều bất cập, chưa hỗ trợ trực tiếp cho hộ dân sử dụng dịch vụ cơ giới để phục vụ sản xuất.

- Việc nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy sản xuất cho nông dân trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Phần lớn người dân còn sản xuất manh mún, nhỏ lẻ ở nông hộ, sản xuất nhiều loại cây trồng trên cùng một diện tích gây trở ngại lớn trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Thị trường tiêu thụ đối với những sản phẩm chuyển đổi thiếu ổn định; công tác định hướng, dự báo thị trường chưa hiệu quả, chưa có đầu ra, tình trạng “được mùa, mất giá” thường xuyên lặp lại; việc liên kết giữa doanh nghiệp với HTX và nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn thiếu chặt chẽ dẫn đến một số doanh nghiệp không thu mua sản phẩm như đã ký kết làm cho nông dân chưa yên tâm chuyển đổi; các địa phương còn gặp nhiều khó khăn trong việc định hướng, xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án, nhất là Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn hạn hẹp, trong khi thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và huy động đóng góp của các thành phần kinh tế khác không đáng kể.

2.2. Đối với xây dựng nông thôn mới

- Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa thực sự quan tâm đúng mức cho xây dựng nông thôn mới; vẫn còn tồn tại phổ biến tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

- Bộ máy giúp việc, quản lý thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp luôn có sự biến động làm cho công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi thực hiện thiếu tính liên tục, kịp thời. Ban Chỉ đạo phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới cấp huyện chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm của phòng; ban quản lý ở cấp xã năng lực hạn chế, nhất là các xã vùng núi, vùng sâu, vùng xa; sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng ở một số địa phương chưa chặt chẽ, nên công tác tham mưu hiệu quả chưa cao.

- Nguồn lực của nhà nước đầu tư trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới còn nhiều hạn chế. Nhiều địa phương mới quan tâm đến xây dựng kết cấu hạ tầng, chưa quan tâm đến phát triển nhiều đến các chỉ tiêu về y tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân, giảm nghèo bền vững.

V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN ĐẾN

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong Kết luận số 30-KL/TU ngày 26/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, khóa XIX và nội dung Nghị quyết 03 còn phù hợp, trong đó nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp (đã được điều chỉnh, bổ sung). Đẩy mạnh thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn, đưa cơ giới hóa vào sản xuất gắn với cơ cấu lại trồng trọt, chăn nuôi, chuyển mục tiêu từ số lượng sang chất lượng, giá trị gia tăng, sản xuất theo chuỗi giá trị; xác định sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực, có tiềm năng, lợi thế của địa phương để ưu tiên hỗ trợ đầu tư, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Cơ cấu lại lâm nghiệp, chuyển mục tiêu từ coi trọng tăng độ che phủ rừng sang nâng cao chất lượng rừng, nâng cao giá trị kinh tế rừng trồng, phát triển rừng trồng cây gỗ lớn. Cơ cấu lại ngành thủy sản, chuyển mục tiêu từ sản lượng sang hiện đại hóa tàu cá, nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác và nuôi trồng các loại thủy sản có lợi thế, có khả năng cạnh tranh cao gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ hậu cần nghề cá, các cơ sở chế biến.

2. Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, ban hành chính sách: khuyến khích người dân cho thuê đất tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung và ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào

sản xuất; chính sách thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, ưu tiên các dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; chính sách liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản, chăn nuôi,...

3. Tiếp tục củng cố, đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp theo hướng hợp tác xã dịch vụ, hỗ trợ tạo lập, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ các HTX nông nghiệp tiếp cận các chính sách về tín dụng, đất đai, cơ sở hạ tầng để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

Liên kết chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn giữa nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân, trước hết ưu tiên cho những vùng sản xuất tập trung, có sản lượng sản phẩm hàng hóa lớn để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

4. Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường nông sản, chăn nuôi để nông dân có đủ thông tin, thay đổi tư duy sản xuất theo cơ chế thị trường; tăng cường công tác dự báo khí hậu; củng cố các hạ tầng thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương và các công trình phòng, chống ngập úng, bảo đảm an toàn trong sản xuất nông nghiệp.

5. Đẩy mạnh thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế và huy động sự đóng góp của nhân dân để thực hiện đạt các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đã đề ra.

6. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm hàng nông, lâm, thủy sản. Trước hết, nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân trong sản xuất và sử dụng thực phẩm sạch, an toàn; xây dựng vùng sản xuất nông sản thực phẩm an toàn hướng đến xuất khẩu; xây dựng mạng lưới các cơ sở giết, mổ động vật tập trung; hướng dẫn người dân các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản các mặt hàng nông sản.

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ cao, trong đó chú trọng giống cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật sản xuất, kỹ thuật canh tác, sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và bảo vệ được môi trường sinh thái.

7. Tập trung đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các cảng cá chuyên dụng, khu neo đậu tránh trú bão; khơi thông luồng lạch, bảo đảm tàu thuyền ra vào bến thuận lợi; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, thu mua, chế biến hải sản, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân trong quá trình khai thác, bảo quản và tiêu thụ hải sản, nâng cao giá trị các mặt hàng hải sản.

Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ ngư dân cải hoán, đóng mới tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới có công suất lớn để đánh bắt xa bờ; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để ngư dân mạnh dạn đầu tư, an tâm bám biển sản xuất. Có cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức lại sản xuất trên biển theo hướng hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã, công ty cổ phần, tạo điều kiện cho ngư dân tương trợ, giúp đỡ nhau trong quá trình khai thác hải sản, bảo đảm an toàn, hạn chế rủi ro, giảm chi phí,... góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế.

8. Ưu tiên bố trí nguồn lực, phát huy nội lực của cộng đồng dân cư và xã hội đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, chú trọng hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông dân.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các vụ địa phương đóng tại Đà Nẵng,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- C, PCVP Tỉnh ủy; P. Kinh tế, Tổng hợp
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



Nguyễn Thanh Quang